TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-PT
Ngày 10 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, nợ chung khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tú T, sinh ngày 01/01/1992; Căn cước công dân số: ***192004164, cấp ngày 24/3/2022; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau); Tạm trú: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh K, sinh ngày 24/3/1989; Căn cước công dân số: ***089013505, cấp ngày 24/5/2022; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau) (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Huỳnh Minh K: Bà Nguyễn Việt Q, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm 2, phường 5, thành phố B, tỉnh B (Nay là Phường V1, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Nguyễn Ngọc Lan Chi, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. *Người được ủy quyền lại*: Ông Huỳnh Tứ Phúc, chức vụ: Phó phòng giao dịch Phước Long (Có mặt)

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank).Trụ sở: Số 108, Phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Mạnh Hà, chức vụ Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. *Người được ủy quyền lại:* Bà Trần Ngọc Tuyền, chức vụ: Cán bộ quan hệ khách hành phòng giao dịch Phước Long (Có mặt)

3. Cụ Bùi Thị T, sinh năm 1940. Địa chỉ: Ấp Bắc Hưng, xã Vĩnh Hưng A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau) (Xin vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 57, Đường 11, Khu dân cư Thiên Long, khóm 3, phường 5, thành phố B, tỉnh B (Nay là Phường V1, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

5. Cửa hàng xe máy Đạt Ngọc - Chủ tiệm: Bà Hầu Thị G. Địa chỉ: Số 221, Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố B, tỉnh B (Nay là Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau) (Xin vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 10/10/1965 và bà Lê Thị Cưng, sinh năm 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Cưng: Ông Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 10/10/1965 (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2024, ông Hải có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tường I, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau).

7. Bà Châu Kiều Oanh, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

8. Ông Trần Tấn Sỹ. Địa chỉ: Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

9. Ông Huỳnh Văn Đông, sinh năm 1957 và bà Trương Thị Mai, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

10. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã P, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 và bà Trần Thị D, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã Vĩnh Thanh, tỉnh Cà Mau) (Vắng mặt)

12. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi, tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Ấp Xẻo Chích, xã Vĩnh Lợi, tỉnh Cà Mau (Có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Tú T; Bị đơn anh Huỳnh Minh K.

- *Kháng nghị:* Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Tú T và bị đơn anh Huỳnh Minh K thống nhất trình bày:

- *Về hôn nhân:* Vào năm 2012, chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2014, chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hưng A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/8/2014. Chị T và anh K đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T yêu cầu ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, chị T và anh K có 02 người con chung là Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 và Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019; hiện nay cả 02 con chung đều đang sống với chị Nguyễn Tú T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 và Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019, không yêu cầu anh Huỳnh Minh K cấp dưỡng nuôi con; anh K đồng ý giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 cho chị T nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:*

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thống nhất chung sống có tạo lập được một số tài sản như sau:

+ Phần đất có diện tích 239.2m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này do anh Huỳnh Minh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/04/2022. Nguồn gốc đất, do chị T và anh K nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn Thân vào đầu năm 2022. Phần đất này hiện nay đang được để trống.

+ Phần đất có diện tích 940m^2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/06/2022. Phần đất này hiện nay đang được để trống. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn Linh vào đầu năm 2022.

+ Tài sản tại Cửa hàng xe máy điện Trinh – Kha hiện nay không còn gì do chị T mua hàng thiếu, không có tiền trả nên công ty thu hồi về. Chị T đã ngưng kinh doanh do không có tiền lấy hàng về bán. Chị T thừa nhận còn 06 chiếc xe gắn máy cũ gồm:

- Xe máy hiệu future số máy JC 35E-202560, vào khoảng tháng 7 và tháng 8 năm 2024, chị T đã bán lại chiếc xe này cho ông Nguyễn Chí Nguyễn với giá 9.300.000 đồng. Việc mua bán trên có xuất hóa đơn bán lẻ.

- 01 xe hiệu AirBlade, số máy JF27E-0084514, vào tháng 9 năm 2024, chị Tranh đã bán chiếc xe trên cho ông Út (không biết họ và tên); địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng với giá bán 28.000.000 đồng;

- 01 xe hiệu Click, số máy JF18E-0026306, BKS 94F138085, vào khoảng tháng 7 và tháng 8 năm 2024, chị T đã bán lại chiếc xe này cho một người ở thành phố Bạc Liêu (không nhớ họ và tên) với giá khoảng 9.500.000 đồng đến 9.600.000 đồng. Việc mua bán trên có xuất hóa đơn bán lẻ;

- 01 xe wave, số máy HC 09E-0218969, vào tháng 9 năm 2024, anh K đã lấy chiếc xe đi, hiện nay chị T không còn quản lý chiếc xe này mà do anh K đang quản lý;

- 01 xe hiệu Exciter, số máy G3D4E - 21675, có biển số kiểm soát 83B2 60329, vào khoảng tháng 8 năm 2024, chị T đã bán lại chiếc xe này cho một người tên Toàn ở thành phố Bạc Liêu (không nhớ họ và tên) với giá khoảng 11.000.000 đồng. Việc mua bán trên có xuất hóa đơn bán lẻ;

- 01 xe honda CBR 150, số máy CS150RE-0007630, vào khoảng tháng 10 năm 2024, chị T đã bán lại chiếc xe này cho một người tên Mộng (không nhớ họ và tên); địa chỉ: Ấp Mỹ Trinh, xã Vĩnh Hưng A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu với giá khoảng 28.000.000 đồng. Việc mua bán trên có xuất hóa đơn bán lẻ;

+ 01 căn nhà chính cấp 4 và căn nhà tiền chế gắn liền với diện tích 242.0m^2 thuộc thửa đất số 2116, tờ bản đồ 06 tọa lạc tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 384970 cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018.

+ 01 chiếc xe bán tải hiệu Ford biển kiểm soát số 94C.072.43 do cha vợ là ông Nguyễn Văn Hải đứng tên, mua gần 01 năm, giá tại thời điểm mua giá 720.000.000 đồng. Hiện nay, chị T đang quản lý chiếc xe bán tải nêu trên.

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Tú T trình bày: Về tài sản chung, chị T xác định phần đất có diện tích 242.0m^2, thuộc thửa đất số 2116, tờ bản đồ 06 tọa lạc tại ấp Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 384970 cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018. Nguồn gốc đất là vào năm 2013, chị T và anh K có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Đông (Cha ruột của anh Huỳnh Minh K) với diện tích chiều ngang 06m, chiều dài đến mé sông, có hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, đến năm 2015, ông Đinh Văn Tùng có phần đất liền kề phần đất này với diện tích ngang 05m x chiều dài chạy dài đến mé sông (cùng chiều dài với phần đất chị T và anh K nhận chuyển nhượng của ông Đông). Do ông Đinh Văn Tùng có nhu cầu chuyển nhượng nên chị T và anh K đã nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn Tùng phần đất với diện tích ngang 05m x chiều dài chạy dài đến mé sông với giá 280.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, đến năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị T

và anh K có liên hệ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhập hai phần đất vào với nhau tạo thành thửa đất lớn có diện tích ngang 11m x dài 22m, tổng diện tích là 242m^2. Trên phần đất này hiện nay có căn nhà với kết cấu nhà trước xây dựng tiền chế vào năm 2012. Sau đó, vào năm 2013, chị T và anh K tiếp tục xây thêm phần nhà cấp 4 nối liền với nhà tiền chế với kết cầu xây tường, cột bê tông cốt thép, mái tole, nền lót gạch men, tổng chi phí xây dựng nhà sau là 288.000.000 đồng, nguồn gốc tiền là cha mẹ ruột của chị T là ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng tặng cho chị T và anh K. Căn nhà này hiện tại do chị T đang quản lý và sử dụng, ngoài việc để chị T và 02 con ở thì phần nhà trước chị T dùng để kinh doanh cửa hàng xe máy Trinh – Kha từ 2021 đến hiện nay.

Nay chị T yêu cầu về tài sản chung, đối với phần đất có diện tích 239.2m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27, chị T đồng ý chia đôi, chị T yêu cầu được nhận giá trị đất và giao phần đất này cho anh K. Đối với phần đất có diện tích 940m^2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 27; phần đất có diện tích 242m^2 thuộc thửa đất số 2116 và 01 chiếc xe bán tải hiệu Ford biển kiểm soát số 94C.072.43 có giá trị còn lại là 550.000.000 đồng, chị T đồng ý chia đôi và chị T yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị tiền cho anh K theo giá mà Hội đồng đã tiến hành định giá. Đối với 06 chiếc xe máy cũ, đã bán 05 chiếc với số tiền 77.600.000 đồng, còn 01 xe wave, số máy HC 09E-0218969 anh K đang sử dụng có giá trị là 4.000.000 đồng, tổng cộng giá của 06 chiếc xe là 81.600.000 đồng; chị T đồng ý hoàn trả ½ giá trị cho anh K; tổng số tiền chị T hoàn trả cho anh K là 40.800.000 đồng.

Theo bị đơn anh Huỳnh Minh K và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn anh Huỳnh Minh K là bà Nguyễn Việt Quỳnh trình bày: Về tài sản chung, anh K xác định còn có 42 chiếc xe máy, chiếc xe điện mới và cũ và các dụng cụ, phụ từng sửa xe theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 12/6/2024.

Về tài sản riêng: Anh K xác định phần đất có diện tích 242.0m^2 thuộc thửa đất số 2116, tờ bản đồ 06 tọa lạc tại ấp Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là tài sản của cá nhân anh K nhận chuyển nhượng từ ông Đinh Văn Tùng vào ngày 09/4/2007 và của cha mẹ anh K là ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai tạo lập trước khi xây dựng hôn nhân với chị T, đây không phải là tài sản chung như lời trình bày của chị T.

Nay anh K rút yêu cầu chia 42 chiếc xe máy, chiếc xe điện mới và cũ và các dụng cụ, phụ tùng sửa xe theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2024. Đối với chiếc xe bán tải hiệu Ford biển kiểm soát số 94C.072.43 anh K thống nhất giá trị còn lại là 550.000.000 đồng, anh K đồng ý nhận giá trị thành tiền của ½ giá trị chiếc xe trên là 275.000.000 đồng. Đối 06 chiếc xe máy cũ, đã bán 05 chiếc với số tiền 77.600.000 đồng, còn 01 xe wave, số máy HC 09E-0218969 anh K đang sử dụng có giá trị là 4.000.000 đồng, tổng cộng giá 06 chiếc xe là 81.600.000 đồng; anh K đồng ý nhận ½ giá trị, tổng số tiền chị T hoàn trả cho anh K là 40.800.000 đồng. Đối với phần đất có diện tích 239.2m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27 và phần đất có diện tích 940m^2 thuộc thửa

đất số 73, tờ bản đồ số 27 và căn nhà cấp 4 và căn nhà tiền chế trên phần thửa đất số 2116, anh K đồng ý chia đôi và anh K yêu cầu nhận hiện vật. Anh K đồng ý trả ½ giá trị tài sản cho chị T. Về tài sản riêng, diện tích đất tại thửa đất số 2116, anh K không đồng ý chia cho chị T do đây là tài sản riêng của anh K một phần và một phần là tài sản của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai.

- Về nợ chung: Chị T và anh K thống nhất nợ chung gồm:

+ Khoản vay số tiền gốc 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Khoản vay này thì chị T và anh K vay để trang trải công việc kinh doanh. Chị T và anh K thực hiện giao dịch tại Chi nhánh huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2022. Mục đích vay là để làm vốn kinh doanh.

+ Khoản vay số tiền gốc 1.700.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank). Khoản nợ này, chị T và anh K vay để trang trải công việc kinh doanh. Chị T và anh K thực hiện giao dịch tại Chi nhánh huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vay vào năm 2018 và đến 2022 tiếp tục vay thêm. Mục đích vay là để làm vốn kinh doanh.

+ Vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000 đồng vào năm 2023. Khi vay thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến và không có thỏa thuận lãi suất. Đây là khoản vay dùng để trang trải cuộc sống của gia đình và trả nợ cho anh Huỳnh Minh K, không liên quan đến cửa hàng xe máy Trinh – Kha. Hiện tại chị T và anh K chưa thanh toán bất kỳ số tiền nào cho bà Nguyễn Thị T.

Ngoài các khoản nợ chung nêu trên, theo chị T xác định nợ chung của chị T và anh K trong thời kỳ hôn nhân còn các khoản nợ khác gồm:

+ Đối với khoản vay của bà Bùi Thị T (bà Bùi Thị T là bà ngoại của anh Huỳnh Minh K) số tiền 250.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có làm biên nhận, không có ai chứng kiến và không có thỏa thuận lãi suất. Ngày 01/01/2024, chị T đã thanh toán cho bà Bùi Thị T số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó ngày 15/01/2024, chị T tiếp tục thanh toán cho bà Bùi Thị T số tiền 15.000.000 đồng. Tổng cộng chị T đã trả cho bà Bùi Thị T tổng số tiền là 35.000.000 đồng và bà Bùi Thị T có viết biên nhận thể hiện có nhận của chị T số tiền trên. Hiện nay, chị T và anh K chỉ còn nợ bà Bùi Thị T số tiền 215.000.000 đồng.

+ Số tiền vay 400.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng; chị T và anh K đã mượn cách đây khoảng 06 tháng; không có thỏa thuận lãi suất; do chị T trực tiếp nhận tiền từ ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng. Mục đích mượn số tiền này để mua chiếc xe ô tô.

+ Số tiền vay 930.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng vào năm 2022. Mục đích mượn số tiền này để mua đất.

+ Số vàng của của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng gồm 01 tấm lắc vàng 01 lượng vàng 24k, 02 chiếc nhẫn trơn 01 lượng vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 01 lượng vàng 18k, 01 chiếc vòng 01 lượng vàng 18K. Mục đích mượn số vàng trên để làm vốn lấy hàng về kinh doanh.

Số tiền và số vàng trên do anh K trực tiếp nhận từ ông Hải và bà Cưng.

Chị T đồng ý chia đôi nợ chung theo quy định của pháp luật. Đối với một phần nợ của bà Bùi Thị T là 100.000.000 đồng và nợ 02 lượng vàng 24k của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai, chị T không đồng ý trả do chị T xác định không có nợ và đây là nợ riêng của anh K.

Anh K còn xác định anh K và chị T có mượn của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai 02 lượng vàng 24k để nhận chuyển nhượng đất vào năm 2022.

Anh Huỳnh Minh K xác định không có nợ ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng số nợ như sau:

+ Số tiền vay 400.000.000 đồng để mua chiếc xe bán tải hiệu Ford biển kiểm soát số 94C.072.43.

+ Số tiền vay 930.000.000 đồng.

+ 01 tấm lắc vàng 01 lượng vàng 24k.

+ 02 chiếc nhẫn trơn 01 lượng vàng 24k.

+ 01 sợi dây chuyền 01 lượng vàng 18k.

+ 01 chiếc vòng 01 lượng vàng 18K.

Anh K yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung theo quy định pháp luật. Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng, anh K không đồng ý trả nợ cho ông Hải và bà Cưng do anh xác định không có nợ tiền và vàng nêu trên của ông Hải và bà Cưng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày:* Ngày 18/5/2023, anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Tú T có đến gặp bà Tư vay số tiền 250.000.000 đồng, để làm vốn kinh doanh mua bán xe. Do muốn giúp các cháu làm ăn nên bà Tư đồng ý cho anh K và chị T vay tiền. Khi vay anh K và chị T có ký tên vào giấy nhận nợ. Ngày 16/9/2023, anh K có đến hỏi bà Tư vay thêm tiền để làm vốn mua xe thì bà Tư đồng ý và đưa hết số tiền còn lại là 100.000.000 đồng cho anh K. Khi nhận tiền, anh K có viết và ký tên vào giấy nhận nợ. Từ khi vay nợ đến nay, chị T có đến gặp bà Tư để trả lại tiền vay số tiền 35.000.000 đồng; sau đó không trả thêm tiền gốc hay trả lãi suất cho bà Bùi Thị T.

Nay bà Tư yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Kha và Trinh phải thanh toán cho bà Tư số gốc còn nợ 315.000.000 đồng, cụ thể: Chị T thanh toán cho bà Tư số tiền 157.500.000 đồng và anh K thanh toán cho bà Tư số tiền 157.500.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Vào năm 2023, bà Nguyễn Thị T có cho anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Tú T vay số tiền 300.000.000 đồng; hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Nay bà Thúy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Tú T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 300.000.000 đồng; cụ thể: Chị T thanh toán cho bà Thúy số tiền 150.000.000 đồng và anh K thanh toán cho bà Thúy số tiền 150.000.000 đồng. Buộc chị T và anh K tiếp tục trả tiền lãi suất cho bà Thúy theo mức lãi suất 1,67%/tháng kể từ ngày 14/6/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai trình bày:* Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai nhận chuyển nhượng 01 nền của ông Huỳnh Văn Kiểng ngang 06m x dài 25m, đất dưới mé sông gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hưng A, do thời gian đã lâu nên không nhớ giá chuyển nhượng. Sau khi mua một thời gian, ông Đông và bà Mai cất 01 căn nhà tiền chế để cho anh K làm chỗ sửa xe. Sau đó, khoảng vài năm, anh K có chuyển nhượng thêm phần đất giáp với phần đất ông Đông và bà Mai của ông Đinh Hoàng Liêm ngang 05m x dài khoảng 25m, ông Đông và bà Mai có cho 1 phần tiền, còn lại anh K bỏ tiền ra mua. Cả hai lần mua đất đều làm giấy tay. Do đất dưới mé sông nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi anh K và chị T chung sống với nhau, anh K và chị T có xây nhà sau và nới phần nhà tiền chế 06m của ông Đông và bà Mai mua với phần đất 05m của anh K mua thành căn nhà và chỗ kinh doanh như hiện nay. Chi phí ông Đông và bà Mai xây tiền chế trên phần đất ngang 06m là khoảng 100.000.000 đồng; còn chi phí xây nhà sau, nới qua phần đất 05m là tiền của vợ chồng anh K và chị T. Ông Đông và bà Mai không nói gì về việc cho vợ chồng anh K và chị T cất căn nhà trên phần đất ông Đông và bà Mai chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Kiểng. Phần đất này ông Đông và bà Mai mua vào thời điểm anh K và chị T chưa chung sống, ông Đông và bà Mai cũng chỉ để cho anh K sử dụng để làm nơi sửa xe. Năm 2018, anh K nói để cho anh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng làm ăn nên ông Đông có ký giấy cho anh K vay tiền ngân hàng. Ông Đông ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh K phần đất mua của ông Huỳnh Văn Kiểng để anh K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đông và bà Mai xác định chỉ cho anh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải cho luôn. Còn bà Trương Thị Mai không ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh K. Vào năm 2022 (không nhớ ngày, tháng), anh K có hỏi mượn của ông Đông và bà Mai 2 lượng vàng 24k (nhẫn trơn 4 chiếc, mỗi chiếc 05 chỉ vàng) để mua miếng đất ngang 16m tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ông Đông và bà Mai là người đưa vàng cho anh K, không có mặt chị T, khi đưa vàng không làm giấy tờ.

Nay ông Đông và bà Mai yêu cầu buộc chị T và anh K phải trả lại phần đất gắn liền với căn nhà tiền chế ngang 06m x dài 22m = 132m^2 (đến sông kinh xáng) tọa lạc tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đối với diện tích 132m^2, đất thuộc thửa 2116 tờ bản đồ số 6 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018 và yêu cầu anh K và chị T trả cho ông Đông và bà Mai 02 lượng vàng 24k.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín trình bày:* Vào ngày 07/9/2022, anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Tú T có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu- Phòng Giao dịch huyện Phước Long hợp đồng tín dụng số 202226798739 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 202226798739-001 ngày 14/9/2023, số tiền vay 1.000.000.000 đồng, ngày nhận tiền: 21/3/2024; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán xe máy và

phụ tùng xe máy; lãi suất 9,0%/năm; lãi suất hiện tại: 13,5%/năm; thời hạn vay: 06 tháng; thời điểm trả hết nợ: Ngày 20/9/2024.

Để bảo đảm khoản vay trên, anh K và chị T có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu-Phòng Giao dịch huyện Phước Long hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202226798739 ngày 07/9/2022 để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu- Phòng Giao dịch huyện Phước Long 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 940m^2, thửa đất số 73, tờ bản đồ số 27, đất ở tại nông thôn diện tích 175m^2, đất trồng cây lâu năm diện tích 765m^2; tọa lạc tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DĐ 145884 (Số vào sổ CS08270) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho chị Nguyễn Tú T vào ngày 30/6/2022.

Từ khi vay đến ngày 21/10/2024, anh K và chị T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu-Phòng Giao dịch huyện Phước Long tổng số tiền lãi suất là 42.008.285 đồng. Tính đến ngày 30/5/2025, anh K và chị T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 1.096.657.534 đồng; trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 65.589.040 đồng, lãi quá hạn là 31.068.494 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K và chị T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.096.657.534 đồng; trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 65.589.040 đồng, lãi quá hạn là 31.068.494 đồng. Anh K và chị T có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31 tháng 5 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất theo quy định tại Hợp đồng. Trong trường hợp anh K và chị T không trả được nợ, ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

- Theo người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mai Cổ phần Công Thương Việt Nam là bà Trần Ngọc Tuyền trình bày: Anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Tú T có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu - Phòng Giao dịch huyện Phước Long theo Hợp đồng cho vay hạn mức số PL-17-057/2023-HĐCVHM/NHCT862 ngày 20/06/2023 với mức dư nợ là 1.700.000.000 đồng; cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số PL-17-057/2023-HĐCVHM/NHCT862 ngày 20/06/2023; ngày ký kết là: 20/06/2023; ngày hết hạn hợp đồng là: 20/06/2024; lãi suất trong hạn: 10%/năm; áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; lãi suất trong hạn thực tế đang áp dụng: 9,5%/năm; số tiền vay, dư nợ gốc cao nhất: 1.700.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả đến hết ngày 20/02/2025: 0 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán xe cũ, phụ tùng xe.

Để bảo đảm các khoản vay trên, anh K và chị T có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu-Phòng giao dịch huyện Phước Long hợp đồng thế chấp số PL-64-076-

1/2018/HĐBĐ/NHCT862 ngày 02/11/2018 để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu -Phòng giao dịch huyện Phước Long 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 242m^2, đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K và ngày 12/10/2018, thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 6.

Anh K và chị T còn ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu-Phòng giao dịch huyện Phước Long hợp đồng thế chấp số PL-17-039/2022/HĐBĐ/NHCT862 ngày 31/05/2022 để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu -Phòng giao dịch huyện Phước Long 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 căn nhà gắn liền với phần đất diện tích quyền sử dụng đất diện tích 239,2m^2, đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 171017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K ngày 14/04/2022, thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27.

Đồng thời, anh K và chị T có nhờ ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu-Phòng giao dịch huyện Phước Long hợp đồng thế chấp số PL-64-020-1/2019/HĐBĐ/NHCT862 ngày 02/04/2019 và hợp đồng thế chấp số PL-64-020-2/2019/HĐBĐ/NHCT862, ngày 02/04/2019 để ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu-Phòng giao dịch huyện Phước Long 03 quyền sử dụng đất, gồm:

+ Quyền sử dụng đất, diện tích 4.143,5m^2; đất trồng lúa; tọa lạc tại Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 180584 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 30/07/2009 (thay đổi lần thứ 1 ngày 11/08/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/08/2015), thửa đất số 452, tờ bản đồ số 8.

+ Quyền sử dụng đất, diện tích 1.116,5m^2, đất trồng lúa; tọa lạc tại Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 180586 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 30/07/2009 (thay đổi lần thứ 1 ngày 11/08/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/08/2015), thửa đất số 368, tờ bản đồ số 8.

+ Quyền sử dụng đất, diện tích 11.700,7m^2, đất chuyên trồng lúa nước; tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 864136 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17/08/2015, thửa đất số 931, tờ bản đồ số 5.

Tính đến ngày 30/5/2025, anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Tú T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tổng số tiền là: 1.850.686.309 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.700.000.000 đồng; nợ lãi là

150.686.309 đồng, bao gồm: Lãi quá hạn là 113.795.178 đồng; lãi phạt 36.891.131 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K và chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay nêu trên với tổng số tiền tạm tính ngày 30/05/2025 là 1.850.686.309 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng; nợ lãi suất quá hạn là 113.795.178 đồng và lãi phạt là 36.891.131 đồng. Buộc anh K và chị T phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn cho Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tính trên số nợ gốc thực tế phát sinh kể từ sau ngày 30/5/2025 cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp anh K và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản bảo đảm đang thế chấp Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng trình bày:* Ông Nguyễn Văn Hải xác định chiếc xe ô tô tải hiệu Ford, loại xe tải pickup cabin kép, số máy P02SRPD45758, số khung RL2UMFC50PDR45758, màu sơn: Ghi, biển số đăng ký 94C-072.43 là của vợ chồng chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K mua vào năm 2023 với giá 680.000.000 đồng, trong đó chị T và anh K mượn của vợ chồng ông Hải và bà Cưng số tiền 400.000.000 đồng, còn lại 280.000.000 đồng là của chị T và anh K. Do trước đó, vợ chồng chị T và anh K có mượn tiền, vàng của vợ chồng ông Hải và bà Cưng nên sau khi mua xe, chị T và anh K sử dụng một thời gian, ông Hải và bà Cưng yêu cầu chị T và anh K trả nợ thì chị T và anh K không trả nên ông Hải có lấy chiếc xe trên để sử dụng. Nay ông Hải đã giao chiếc xe bán tải trên cho chị T quản lý và sử dụng.

Đồng thời, trong quá trình chung sống, chị T và anh K có mượn tiền, vàng và vay tiền của ông Hải và bà Cưng để làm ăn gồm:

+ Mượn của bà Cưng 400.000.000 đồng cách đây khoảng 06 tháng.

+ Anh K có nhờ ông Hải vay tiền ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng để mua miếng đất vườn tạp tọa lạc tại ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, anh K và chị T đã trả cho ông Hải và bà Cưng được số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 930.000.000 đồng. Số tiền này ông Hải phải vay ngân hàng mới có tiền đưa cho anh K và chị T, hàng tháng ông Hải phải đóng tiền lãi suất cho ngân hàng. Chị T và anh K có đóng tiền lãi suất cho ông Hải đến hết tháng 5 năm 2023. Từ tháng 6 tháng năm 2023 đến nay chưa thanh toán lãi suất. Tiền lãi hàng tháng là 7.500.000 đồng.

+ Mượn của bà Cưng 01 tấm lắc 01 lượng vàng 24k; 02 chiếc nhẫn trơn 01 lượng vàng 24k; 01 sợi dây chuyền 01 lượng vàng 18k; 01 chiếc vòng 01 lượng vàng 18k.

Việc chị T và anh K mượn tiền, vàng và vay tiền của ông Hải và bà Cưng đều không làm giấy tờ. Do không làm giấy tờ và mượn nhiều lần nên ông Hải không nhớ thời gian.

Nay ông Hải và bà Cưng yêu cầu chị T và anh K cùng có trách nhiệm trả cho ông Hải và bà Cưng số tiền mượn là 400.000.000 đồng; số tiền vay là 930.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ tháng 6 năm 2023 đến khi trả hết nợ theo lãi suất ngân hàng; 01 tấm lắc vàng 01 lượng vàng 24k; 02 chiếc nhẫn trơn 01 lượng vàng 24k; 01 sợi dây chuyền 01 lượng vàng 18k; 01 chiếc vòng 01 lượng vàng 18k. Trường hợp chị T và anh K không thanh toán được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam thì ông Hải và bà Cưng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của chị T và anh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Hải và bà Cưng đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát mãi 03 quyền sử dụng đất do ông Hải và bà Cưng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng thế chấp bảo đảm đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ.

- *Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cửa hàng xe máy Đạt Ngọc là bà Hầu Thị G trình bày:* Cửa hàng xe máy Đạt Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ của chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K còn nợ Cửa hàng xe máy Đạt Ngọc trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Kiều Oanh và ông Trần Tấn Sỹ trình bày:* Bà Châu Kiều Oanh và ông Trần Tấn Sỹ có cho anh Huỳnh Minh K vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay tiền đên anh Huỳnh Minh K mua xe hơi để thuận lợi di chuyển trong công việc làm ăn, mua bán. Nay giữa bà Châu Kiều Oanh và ông Trần Tấn Sỹ với anh Huỳnh Minh K đã thỏa thuận được với nhau nên bà Châu Kiều Oanh và ông Trần Tấn Sỹ không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ 130.000.000 đồng của anh Huỳnh Minh K còn nợ bà Châu Kiều Oanh và ông Trần Tấn Sỹ trong vụ án này.

- *Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Kim N trình bày:* Ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Kim N có thuê 04 công tầm cấy, đất trồng lúa; tọa lạc Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng hàng năm, với giá thuê là 6.000.000 đồng/04 công tầm cấy. Việc thuê đất không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói; khi nào ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng lấy lại đất thì phải để ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Kim N canh tác đủ năm. Nay Ngân hàng Thường mại Cổ phần Công Thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K trả nợ và trong trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thể chấp, trong đó có diện tích đất ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Kim N đang thuê canh tác theo năm thì ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Kim N không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này; ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Kim N đồng ý trả lại đất cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng khi ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D trình bày:* Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D có thuê 09 công tầm cấy, đất trồng lúa; tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng hàng năm; giá thuê đất là 2.500.00 đồng/01 công tầm cấy. Việc thuê đất không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Hằng năm, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D đều thanh toán tiền

thuê đất đầy đủ cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng. Nay Ngân hàng Thường mại Cổ phần Công Thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K trả nợ và trong trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thể chấp, trong đó có diện tích đất Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D đang thuê canh tác theo năm thì Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này; ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D đồng ý trả lại đất cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng khi ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Không ghi nhận được ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau) đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Nguyễn Tú T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019 cho anh Huỳnh Minh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Tú T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 nên chị Nguyễn Tú T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân.

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ giao cháu Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng sinh ngày 31/12/2019 cho anh Huỳnh Minh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 và cháu Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019 nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản:

3.1. Chia cho chị Nguyễn Tú T:

- 01 phần căn nhà tạm diện tích 136,20m^2, có kết cấu cột bê tông, vách tường xây + thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tôn thiếc và 01 phần gác lửng; 01 phần mái che trước nhà tạm, diện tích 21m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền sân xi măng trước nhà tạm diện tích 21m^2 gắn liền với diện tích đất 134,5m^2; thuộc 01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018, vị trí nhà đất:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 5m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 5m.

Hướng Nam giáp với đất ông Đinh Hoàng Liêm, có số đo 15,96m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai, số đo 10,87m + 16,14m.

- Diện tích 978,1m^2 thuộc thửa đất số 73, 01 phần thửa 74 và 01 phần thửa 75, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 145884 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho chị Nguyễn Tú T vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường DT 978, số đo 17,15m.

Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn Lâm, số đo 25,50m.

Hướng Nam giáp với đất ông Trần Đông Em, có số đo 49,12m + 11,16m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Tuấn, số đo 34,40m + 11,18m.

- 01 chiếc xe bán tải hiệu Ford, biển kiểm soát 94C1-072.43.

- 01 xe môtô hiệu Wave, số máy HC09E-0218969.

3.2. Chia cho anh Huỳnh Minh K:

- 01 căn nhà chính cấp 4 có diện tích 52,20m^2 với kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phông, mái thiếc; 01 phần căn nhà tạm diện tích 120,32m^2, kết cấu khung bê tông, tường xây gạch và tole thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tole thiếc; 01 phần mái che trước 01 phần nhà tạm diện tích 25,20m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền xi măng dưới mái che diện tích 25,20m^2 gắn liền với phần đất có diện tích 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018; vị trí nhà đất như sau:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 6m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 6m.

Hướng Nam giáp với đất chia cho chị Nguyễn Tú T, có số đo 10,87m + 16,14m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Trần Văn Sơn, số đo 10,85m + 16,36m.

- Diện tích 238,9m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 171017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp với đất quy hoạch giao thông, số đo 10m.

Hướng Tây giáp với đất ông Phạm Văn Thân, chùa Vĩnh Thạnh, số đo 10m.

Hướng Nam giáp với đất bà Phạm Hồng Tươi, có số đo 23,91m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Thân, số đo 23,88m.

3.3. Chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K được quyền đăng ký kê khai lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đối với các diện tích nhà đất được chia nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

3.4. Chia cho anh Huỳnh Minh K nhận số tiền giá trị tài sản chênh lệch là 376.539.605 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm lẻ năm đồng). Chia cho anh Huỳnh Minh K nhận số tiền trị giá chiếc xe bán tải tải hiệu Ford, biển kiểm soát 94C1-072.43 là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Chia cho anh Huỳnh Minh K nhận số tiền trị giá 06 chiếc xe gắn máy cũ là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

3.5. Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ giao cho anh Huỳnh Minh K tổng số tiền 692.339.605 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm lẻ năm đồng).

3.6. Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Tú T 01 xe môtô hiệu Wave, số máy HC09E-0218969.

3.7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K trả diện tích đất 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018 và giá trị tiền của 02 lượng vàng 24k là 215.600.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai giá trị đất diện tích 162,6m^2 là 1.932.338.400 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn Đông và Mai số tiền trị giá 02 lượng 24k là 107.800.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

3.8. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Bùi Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho cụ Bùi Thị T số tiền là 315.000.000 đồng.

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho cụ Bùi Thị T số tiền 207.500.000 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho cụ bà Bùi Thị T số tiền 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3.9. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 329.333.000 đồng (Ba trăm hai mươi

chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trong đó: Nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và nợ lãi suất 29.333.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất 14.666.500 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng.

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất 14.666.500 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng.

3.10. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 14/6/2024 tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 29.451.000 đồng.

311. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng số nợ tính đến ngày 30/5/2025 là 1.894.591.666 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.707.300.000 đồng (Một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu ba trăm nghìn đồng) và nợ lãi suất là 187.291.666 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền mượn và trị giá vàng là 388.650.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền mượn và trị giá vàng là 388.650.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền vay gốc là 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi suất 93.645.833 đồng (Chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền vay gốc là 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi suất 93.645.833 đồng (Chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

3.12. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 1.096.657.534 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là 96.657.534 đồng.

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 1.096.657.534 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất là 96.657.534 đồng (Chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ sau ngày 30 tháng 5 năm 2025, chị Nguyễn Tú T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì lãi suất mà chị Nguyễn Tú T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Trường hợp chị Nguyễn Tú T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích theo đo đạc thực tế 978,1m^2 thuộc thửa đất số 73, 01 phần thửa 74 và 01 phần thửa 75, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 145884 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho chị Nguyễn Tú T vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường DT 978, số đo 17,15m.

Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn Lâm, số đo 25,50m.

Hướng Nam giáp với đất ông Trần Đông Em, có số đo 49,12m + 11,16m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Tuấn, số đo 34,40m + 11,18m.

3.13. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 1.850.686.309 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và nợ lãi suất là 150.686.309 đồng.

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 925.343.154 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 75.343.154 đồng (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi bốn đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 925.343.155 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm đồng); trong đó: Nợ gốc là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 75.343.155 đồng (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ sau ngày 30 tháng 5 năm 2025, chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi

thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam thì lãi suất mà chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Năm theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Năm.

Trường hợp chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 238,9m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 171017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp với đất quy hoạch giao thông, số đo 10m.

Hướng Tây giáp với đất ông Phạm Văn Thân, chùa Vĩnh Thạnh, số đo 10m.

Hướng Nam giáp với đất bà Phạm Hồng Tươi, có số đo 23,91m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Thân, số đo 23,88m.

+ 01 căn nhà chính cấp 4 có diện tích 52,20m^2 với kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phông, mái thiếc; 01 phần căn nhà tạm diện tích 120,32m^2, kết cấu khung bê tông, tường xây gạch và tole thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tole thiếc; 01 phần mái che trước 01 phần nhà tạm diện tích 25,20m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền xi măng dưới mái che diện tích 25,20m^2 gắn liền với phần đất có diện tích 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chưng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018; vị trí nhà đất như sau:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 6m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 6m.

Hướng Nam giáp với đất chia cho chị Nguyễn Tú T, có số đo 10,87m + 16,14m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Trần Văn Sơn, số đo 10,85m + 16,36m.

+ 01 phần căn nhà tạm diện tích 136,20m^2, có kết cấu cột bê tông, vách tường xây + thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tôn thiếc và 01 phần gác

lửng; 01 phần mái che trước nhà tạm, diện tích 21m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền sân xi măng trước nhà tạm diện tích 21m^2 gắn liền với diện tích đất 134,5m^2; thuộc 01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018, vị trí nhà đất:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 5m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 5m.

Hướng Nam giáp với đất ông Đinh Hoàng Liêm, có số đo 15,96m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai, số đo 10,87m + 16,14m.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.133,7m^2 thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 08; tọa lạc tại: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 180586 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cấp cho bà Lê Thị Cưng vào ngày 11 tháng 8 năm 2009, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Thức, số đo 98,93m.

Hướng Tây giáp với đất ông Huỳnh Văn Chưởng, số đo 103,12m.

Hướng Nam giáp với kênh thủy lợi, có số đo 23,60m.

Hướng Bắc giáp với đường quản lộ phụng Hiệp, số đo 12,25m.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.168m^2 thuộc thửa đất số 452, tờ bản đồ số 08; tọa lạc tại: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 180584 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Lê Thị Cưng vào ngày 11 tháng 8 năm 2009, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Thức, ông Dương Văn Vạn, ông Dương Văn Kiệt số đo 38,27m + 183.50m + 14.40m + 149,16m.

Hướng Tây giáp với đất ông Huỳnh Văn Minh, ông Huỳnh Văn Phước, ông Phạm Văn Hiệp, số đo 50.55m + 85.89m + 83.01m + 14.48m và 116,50m + 35.45m.

Hướng Nam giáp với đấy bà Huỳnh Ngọc Điệp, có số đo 11,38m;

Hướng Bắc giáp với kênh thủy lợi, số đo 11.60m.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 11.822,2m^2 thuộc thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05; tọa lạc tại: Ấp Mỹ Phú Đông, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 764136 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng vào ngày 17 tháng 8 năm 2015, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Kỳ, ông Trần Văn Trường số đo 142,58m + 22,20m + 123,26m.

Hướng Tây giáp với đất ông Lê Văn Bảnh, ông Lê Văn Việt, số đo 99,7m + 25.87m + 165.34m.

Hướng Nam giáp với đất ông Trần Văn Xây, ông Nguyễn Văn Trình, có số đo 39,66m;

Hướng Bắc giáp với kênh thủy lợi, số đo 40,97m.

3.14. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Huỳnh Minh K đối với chị Nguyễn Tú T về việc yêu cầu chia 42 chiếc xe và yêu cầu chia các phụ tùng, thiết bị tại Cửa hàng theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 12/6/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 20/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện V (Nay là Viện kiểm sát nhân dân KV7- Cà Mau) kháng nghị (theo Quyết định kháng nghị số 239/QĐ-VKS-HNGĐ), đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng:

+ Phần diện tích đất 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018 là tài sản chung của chị T và anh K, bác yêu cầu đòi tài sản của ông Đông, bà Mai đối với diện tích đất 162,6m^2.

+ Án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: Ông Đông, bà Mai yêu cầu chị T và anh K trả phần đất 132m^2 (đo thực tế 162,6m^2) và yêu cầu hủy GCN của Kha đối với diện tích đất này. Án sơ thẩm không nhận định, xem xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận là chưa giải quyết hết vấn đề nhưng không xâm hại nghiêm trọng nên cần rút kinh nghiệm.

+ Vi phạm cách tính án phí: theo điểm b khoản 2 Điều 27 NQ 326, anh K, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp vụ án có giá ngạch đối với phần giá trị mà mình được hưởng đối với yêu cầu đòi tài sản của ông Đông, bà Mai chứ không phải án phí không giá ngạch.

- Ngày 19/6/2025 nguyên đơn chị T kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn về con chung, nợ chung và tài sản chung.

- Ngày 20/6/2025 bị đơn anh K kháng cáo: Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng:

+ Bác yêu cầu của chị T về việc chia 01 căn nhà tạm 136,20m^2 gắn liền diện tích đất 134,5m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 vì đất có nguồn gốc do anh K mua trước hôn nhân. Nếu xác định là tài sản chung phải chia thì xin nhận bằng hiện vật vì thực tế gắn liền kết cấu nhà được chia cho anh K và chị T hiện nay cũng không ở tại đây.

+ Giao diện tích phần đất 978,1m^2 thuộc thửa đất số 73, 01 phần thửa 74 và 01 phần thửa 75, tờ bản đồ số 27 cho anh K, anh K sẽ hoàn giá trị cho chị T

với khối tài sản này do anh K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng về việc buộc anh K và chị T cùng thanh toán số tiền 1.894.591.666 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị T về việc xác định diện tích 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 là tài sản chung của chị T và anh K và phân chia tài sản này cho chị T và anh K, bác kháng cáo của chị T đối với các yêu cầu về con và nợ chung; Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh K; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau; sửa 01 phần Bản án hôn nhân và gia đình số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản, nợ chung khi ly hôn với anh Huỳnh Minh K, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau đúng thời hạn, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau) đã tuyên xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K. Xét thấy, chị T và anh K không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị T yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn về con chung, nợ chung và tài sản chung:

[3.1] Đối với con chung: Chị T và anh K thống nhất thừa nhận anh chị có người 02 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 và cháu Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019, cả hai cháu đều đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Trân và Dũng; anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng và đồng ý giao cháu Trân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cấp sơ thẩm xác định cha mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con cái, đã xem xét nguyện vọng của con chung đối với cháu Trân do cháu đã trên 07 tuổi, do anh K và chị T đều thống nhất tiếp tục giao cháu Trân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để giao cháu Trân cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng cháu Dũng chưa tròn 07 tuổi nên việc giao cháu Dũng cho ai trực tiếp nuôi dưỡng Tòa án cần căn cứ vào việc ai là người có thể chăm sóc cháu Dũng tốt nhất, bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho cháu Dũng. Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung của cả chị T và anh K đều đảm bảo về vật chất và thời gian chăm sóc, nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, cháu Dũng còn nhỏ tuổi, đang chung sống với mẹ là chị T và chị gái là cháu Bảo Trân, khi ly hôn con chung ít nhiều bị ảnh hưởng về tâm sinh lý, do đó, cần chấp nhận kháng cáo của chị T, giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục là phù hợp, tạo điều kiện để cháu Trân và cháu Dũng sống chung, đảm bảo ổn định tâm lý và tình cảm cho cháu Trân và cháu Dũng, tạo môi trường sống tốt nhất cho hai cháu, phù hợp quy định tại Điều 6 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh K đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Đối với tài sản chung: Chị T yêu cầu chia tài sản chung và đã được chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện, đối với phần không được chấp nhận yêu cầu là diện tích đất 162,6m^2 thuộc thửa số 83, tờ số 26 (01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 cũ); tọa lạc Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018. Xét thấy, phần diện tích đất này có nguồn gốc của cha mẹ ruột anh K là ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Kiểng, đây là sự việc được tất cả các đương sự thống nhất nên là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T cho rằng chị T và anh K đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đông, bà Mai; còn anh K và ông Đông, bà Mai không thừa nhận đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị T và anh K diện tích đất này. Xét thấy, tuy ông Đông và bà Mai phủ nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng thực tế việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh K có xảy ra, ông Đông thừa nhận có ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 24/8/2006, ông Đông cho rằng mục đích chuyển

nhượng chỉ để anh K đi vay vốn ngân hàng là không có căn cứ, bởi lẽ, anh K và ông Đông đều thừa nhận có ký kết hợp đồng chuyển nhượng, sau khi ký kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh K và ông Đông đã thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng đúng quy định pháp luật và anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Mai cho rằng không ký tên chuyển nhượng đất nhưng Kết luận giám định số 131/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu cũng chỉ kết luận: "*không có đủ cơ sở kết luận chữ ký tên "Mai" dưới mục "Người thừa kế" và "Đại diện bên A" trên tài liệu cần giám định ký kiện A so với chữ ký đứng tên Trương Thị Mai trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người ký ra hay không*". Mặt khác, năm 2013, khi chị T và anh K cất căn nhà cấp 4 có diện tích 52,2m^2 với kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phông, mái thiếc, 01 phần căn nhà tạm diện tích 120,32m^2, kết cấu khung bê tông, tường xây gạch và tole thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tole thiếc, 01 phần mái che trước 01 phần căn nhà tạm diện tích 25,20m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc, 01 phần nền xi măng dưới mái che diện tích 25,20m^2 thì ông Đông và bà Mai đều biết rất rõ nhưng không phản đối. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh việc ông Đông, bà Mai đã chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 162,6m^2 thuộc thửa số 83, tờ số 26 (01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 cũ) cho anh K trong thời gian hôn nhân của anh K, chị T tồn tại nên phần đất này là tài sản chung của anh K và chị T là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào kết luận giám định chữ ký của bà Mai trên hợp đồng chuyển nhượng để nhận định bà Mai không có ký tên chuyển nhượng đất trên cho anh K, từ đó cấp sơ thẩm cho rằng việc anh Huỳnh Minh K đứng tên phần đất tranh chấp 162,6m^2, thuộc thửa số 83, tờ số 26 là không hợp pháp là chưa phù hợp, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, chưa đầy đủ. Như đã phân tích trên, đủ căn cứ chứng minh ông Đông, bà Mai đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất 162,6m^2 thuộc thửa số 83, tờ số 26 (01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 cũ) cho anh K, chị T nên đây là tài sản chung của vợ chồng anh K, chị T, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc chia tài sản chung đối với diện tích đất 162,6m^2; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đông, bà Mai về việc yêu cầu anh K, chị T giao trả diện tích đất 162,6m^2.

[3.3] Đối với nợ chung: Chị T không đồng ý một phần nợ của bà Bùi Thị T là 100.000.000 đồng và nợ 02 lượng vàng 24k của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai, chị T không đồng ý trả do chị T xác định không có nợ và đây là nợ riêng của anh Huỳnh Minh K. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã không chấp nhận số tiền nợ 100.000.000 đồng của bà Bùi Thị T là nợ chung, chỉ chấp nhận là nợ riêng và buộc cá nhân anh K phải trả cho bà Tư. Còn đối với nợ 02 lượng vàng 24k của ông Đông, bà Mai, xét thấy, tại nhà của ông Nguyễn Văn Hải vào tháng 01 năm 2024, anh K có viết giấy nợ, theo đó thừa nhận có nợ bà Trương Thị Mai 02 lượng 24k, các khoản nợ của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng, có khoản nợ của bà Nguyễn Thị T, chị T và anh K đều thừa nhận các khoản nợ của ông Hải, bà Cưng và bà Thúy là nợ chung và đồng ý trả nợ nên việc chị T cho rằng không nợ ông Đông và bà Mai 02 lượng vàng 24k là không

có cơ sở chấp nhận. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của chị T đối với nợ chung.

[4] Xét kháng cáo của anh K:

[4.1] Anh K kháng cáo yêu cầu không chia cho bà Trinh 01 căn nhà tạm 136,20m^2 gắn liền diện tích đất 134,5m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 vì anh K cho rằng đất có nguồn gốc do anh K mua trước hôn nhân, tuy nhiên, anh K không chứng minh được tài sản tranh chấp thuộc sở hữu riêng của anh K. Tại cấp phúc thẩm, anh K không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh. Anh K còn cho rằng hiện tại chị T đã rời khỏi địa phương, không ở và kinh doanh tại phần đất này, tuy nhiên, chị T tạm thời không trực tiếp ở tại nhà đất tranh chấp do vụ án chưa giải quyết dứt điểm, để tránh xảy ra mâu thuẫn mới tạm di dời về nhà cha mẹ ruột, không rời bỏ địa phương như anh K trình bày. Mặt khác, việc phân chia tài sản chung vợ chồng cần phân chia bằng hiện vật cho cả 02 bên vợ chồng nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho các bên sau khi ly hôn, chiều ngang tổng diện tích đất tranh chấp tại vị trí phân chia đủ lớn để cả anh K và chị T đều có điều kiện sử dụng sau khi phân chia tài sản. Đồng thời, chị T là phụ nữ và phải nuôi con nhỏ, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình cần bảo đảm quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em nên không có cơ sở chia hết toàn bộ phần đất tranh chấp bằng hiện vật cho anh K. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc xác định 01 căn nhà tạm 136,20m^2 gắn liền diện tích đất 134,5m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 là tài sản chung của vợ chồng và phân chia cho bà Trinh bằng hiện vật 01 căn nhà tạm 136,20m^2 gắn liền diện tích đất 134,5m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06.

[4.2] Do anh K được nhận hiện vật nhà và các vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06 có giá trị là 1.932.338.400 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng) nên buộc anh K có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T ½ giá trị tài sản thành tiền là 966.169.200 đồng. Tuy nhiên, do chị T có nghĩa vụ phải giao trả cho anh K giá trị tài sản chênh lệch là 376.539.605 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm lẻ năm đồng), số tiền trị giá chiếc xe bán tải hiệu Ford, biển kiểm soát 94C1-072.43 là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và số tiền trị giá 06 chiếc xe gắn máy cũ là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh K là 692.339.605 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm lẻ năm đồng) nên đối trừ số tiền anh K phải hoàn trả cho chị T, cần buộc anh K có nghĩa vụ giao cho chị T số tiền là 966.169.200 đồng - 692.339.605 đồng = 273.829.595 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) là phù hợp.

[4.3] Xét kháng cáo của anh K yêu cầu giao diện tích phần đất 978,1m^2 thuộc thửa đất số 73, 01 phần thửa 74 và 01 phần thửa 75, tờ bản đồ số 27 cho anh K, anh K sẽ hoàn giá trị cho chị T với lý do khối tài sản này do anh K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Xét thấy, việc phân

chia tài sản bằng hiện vật cho cả hai bên đương sự là quy định bắt buộc của pháp luật nhằm đảm bảo cuộc sống sau ly hôn, nhất là đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ nuôi con nhỏ, phần đất này đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T đứng tên và Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T có nghĩa vụ trực tiếp thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín nhằm đảm bảo thuận tiện trong giai đoạn thi hành án, do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh K.

[4.4] Xét kháng cáo của anh K không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng về việc buộc anh K và chị T cùng thanh toán số tiền 1.894.591.666 đồng. Xét thấy, anh K thừa nhận giấy nhận nợ là do chính anh K viết tại nhà của ông Nguyễn Văn Hải vào tháng 01 năm 2024, theo đó có thể hiện số tiền nợ ông Hải và bà Cưng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc anh K và chị T cùng thanh toán số tiền 1.894.591.666 đồng nợ của ông Hải, bà Cưng là có căn cứ, đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan và toàn diện. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh nên không chấp nhận kháng cáo của anh K.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

[5.1] Đối với phần diện tích đất 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018 là tài sản chung của chị T và anh K, bác yêu cầu đòi tài sản của ông Đông, bà Mai đối với diện tích đất 162,6m^2. Như đã nhận định tại mục [3.2] của bản án này, đủ căn cứ chứng minh diện tích đất 162,6m^2 là tài sản chung của chị T và anh K nên chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[5.2] Xét kháng nghị về việc cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng do không nhận định, xem xét yêu cầu của ông Đông, bà Mai hủy giấy chứng nhận của anh K đối với diện tích đất 162,6m^2 là chưa giải quyết hết vấn đề, tuy nhiên, do diện tích đất 162,6m^2 là tài sản của vợ chồng anh K, chị T nên không cần thiết xem xét yêu cầu này.

[5.3] Xét kháng nghị về vi phạm cách tính án phí, Viện kiểm sát cho rằng theo điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326, anh K, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp vụ án có giá ngạch. Xét thấy, ông Đông, bà Mai yêu cầu đòi tài sản, chị T không đồng ý diện tích đất 162,6m^2 là tài sản của ông Đông, bà Mai nên các bên chỉ tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất, không tranh chấp về giá trị tài sản, việc buộc anh K trả tài sản bằng giá trị không thuộc trường hợp đương sự phải chịu án phí có giá ngạch theo điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326, do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau), chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Riêng ý kiến của

Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau là chưa phù hợp (như nhận định tại mục [5.2], [5.3], do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí sơ thẩm:

- Do chấp nhận 01 phần kháng cáo của chị T và 01 phần kháng nghị của Viện kiểm sát liên quan đến diện tích đất 162,6m^2, đủ căn cứ xác định diện tích đất 162,6m^2 là tài sản chung của vợ chồng nên tài sản của anh K, chị T được phân chia khi ly hôn có thay đổi so với án sơ thẩm, tổng giá trị tài sản chung là 6.245.875.336 đồng, giá trị mỗi người được hưởng là 3.122.937.668 đồng. Đối trừ nghĩa vụ anh K, chị T có trách nhiệm phải thực hiện với người thứ 3 (nợ chung) (mỗi người có nghĩa vụ phải trả nợ chung tổng cộng là 2.900.927.000 đồng) nên anh K, chị T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền là 222.010.668 đồng. Như vậy, anh K và chị T mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung là 11.100.500 đồng.

- Anh K, chị T còn có nghĩa vụ chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ phải trả nợ cho người thứ 3, riêng anh K có nghĩa vụ trả nợ riêng cho cụ Bùi Thị T nên còn phải chịu án phí trên số tiền 100.000.000 đồng nợ riêng.

- Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đông, bà Mai nên ông Đông, bà Mai phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng. Tuy nhiên, do ông Đông, bà Mai là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đông, bà Mai theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị T kháng cáo và được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm; anh K kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Tú T; Không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Minh K; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau; Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau).

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 217, 218, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 33, 38, 55, 57, 59, 70, 71, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 4, Điều 6, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b, c khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 24/4/2015 và cháu Huỳnh Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 31/12/2019 cho chị Nguyễn Tú T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Tú T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bảo Trân và cháu Tiến Dũng nên chị T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bảo Trân và cháu Tiến Dũng.

Anh Huỳnh Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Tú T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Bảo Trân và cháu Tiến Dũng, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản:

3.1. Chia cho chị Nguyễn Tú T:

- 01 phần căn nhà tạm diện tích 136,20m^2, có kết cấu cột bê tông, vách tường xây + thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tôn thiếc và 01 phần gác lửng; 01 phần mái che trước nhà tạm, diện tích 21m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền sân xi măng trước nhà tạm diện tích 21m^2 gắn liền với diện tích đất 134,5m^2; thuộc 01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu Liêu Nghị quyết; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018, vị trí nhà đất:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 5m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 5m.

Hướng Nam giáp với đất ông Đinh Hoàng Liêm, có số đo 15,96m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai, số đo 10,87m + 16,14m.

- Diện tích 978,1m^2 thuộc thửa đất số 73, 01 phần thửa 74 và 01 phần thửa 75, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 145884 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Bạc Liêu cấp cho chị Nguyễn Tú T vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường DT 978, số đo 17,15m.

Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn Lâm, số đo 25,50m.

Hướng Nam giáp với đất ông Trần Đông Em, có số đo 49,12m + 11,16m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Tuấn, số đo 34,40m + 11,18m.

- 01 chiếc xe bán tải hiệu Ford, biển kiểm soát 94C1-072.43.

- 01 xe môtô hiệu Wave, số máy HC09E-0218969.

3.2. Chia cho anh Huỳnh Minh K:

- 01 căn nhà chính cấp 4 có diện tích 52,20m^2 với kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phông, mái thiếc; 01 phần căn nhà tạm diện tích 120,32m^2, kết cấu khung bê tông, tường xây gạch và tole thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tole thiếc; 01 phần mái che trước 01 phần nhà tạm diện tích 25,20m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền xi măng dưới mái che diện tích 25,20m^2 gắn liền với phần đất có diện tích 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Xã C, tỉnh Cà Mau); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018; vị trí nhà đất như sau:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 6m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 6m.

Hướng Nam giáp với đất chia cho chị Nguyễn Tú T, có số đo 10,87m + 16,14m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Trần Văn Sơn, số đo 10,85m + 16,36m.

- Diện tích 238,9m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 171017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp với đất quy hoạch giao thông, số đo 10m.

Hướng Tây giáp với đất ông Phạm Văn Thân, chùa Vĩnh Thạnh, số đo 10m.

Hướng Nam giáp với đất bà Phạm Hồng Tươi, có số đo 23,91m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Thân, số đo 23,88m.

3.3. Chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K được quyền đăng ký kê khai lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đối với các diện tích nhà đất được chia nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

3.4. Buộc anh K có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T giá trị tài sản sau khi được đối trừ nghĩa vụ của chị T phải thanh toán cho anh K, thành tiền là 273.829.595 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng). Chị T được nhận, sở hữu số tiền 273.829.595 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) do anh K hoàn trả.

3.5. Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Tú T 01 xe môtô hiệu Wave, số máy HC09E-0218969.

3.6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K trả diện tích đất 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018.

3.7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K trả giá trị tiền của 02 lượng vàng 24k là 215.600.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn Đông và Mai số tiền trị giá 02 lượng 24k là 107.800.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

3.8. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Bùi Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho cụ Bùi Thị T số tiền là 315.000.000 đồng.

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho cụ Bùi Thị T số tiền 207.500.000 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho cụ bà Bùi Thị T số tiền 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3.9. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 329.333.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trong đó: Nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và nợ lãi suất 29.333.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất 14.666.500 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất 14.666.500 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

3.10. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho bà Nguyễn

Thị T số tiền lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 14/6/2024 tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 29.451.000 đồng.

3.11. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng số nợ tính đến ngày 30/5/2025 là 1.894.591.666 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.707.300.000 đồng (Một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu ba trăm nghìn đồng) và nợ lãi suất là 187.291.666 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền mượn và trị giá vàng là 388.650.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền mượn và trị giá vàng là 388.650.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền vay gốc là 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi suất 93.645.833 đồng (Chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hải và Cưng số tiền vay gốc là 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi suất 93.645.833 đồng (Chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

3.12. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về viêc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 1.096.657.534 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là 96.657.534 đồng.

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 1.096.657.534 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất là 96.657.534 đồng (Chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ sau ngày 30 tháng 5 năm 2025, chị Nguyễn Tú T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì lãi suất mà chị Nguyễn Tú T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Trường hợp chị Nguyễn Tú T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, thì Ngân

hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích theo đo đạc thực tế 978,1m^2 thuộc thửa đất số 73, 01 phần thửa 74 và 01 phần thửa 75, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 145884 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho chị Nguyễn Tú T vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường DT 978, số đo 17,15m.

Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn Lâm, số đo 25,50m.

Hướng Nam giáp với đất ông Trần Đông Em, có số đo 49,12m + 11,16m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Tuấn, số đo 34,40m + 11,18m.

3.13. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam về việc yêu cầu chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 1.850.686.309 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và nợ lãi suất là 150.686.309 đồng.

Buộc chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 925.343.154 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 75.343.154 đồng (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi bốn đồng).

Buộc anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 925.343.155 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm đồng); trong đó: Nợ gốc là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 75.343.155 đồng (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ sau ngày 30 tháng 5 năm 2025, chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam thì lãi suất mà chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Năm theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Năm.

Trường hợp chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt

Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 238,9m^2 thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 27; tọa lạc tại: Ấp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 171017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp với đất quy hoạch giao thông, số đo 10m.

Hướng Tây giáp với đất ông Phạm Văn Thân, chùa Vĩnh Thạnh, số đo 10m.

Hướng Nam giáp với đất bà Phạm Hồng Tươi, có số đo 23,91m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của Phạm Văn Thân, số đo 23,88m.

+ 01 căn nhà chính cấp 4 có diện tích 52,20m^2 với kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phông, mái thiếc; 01 phần căn nhà tạm diện tích 120,32m^2, kết cấu khung bê tông, tường xây gạch và tole thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tole thiếc; 01 phần mái che trước 01 phần nhà tạm diện tích 25,20m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền xi măng dưới mái che diện tích 25,20m^2 gắn liền với phần đất có diện tích 162,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chưng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018; vị trí nhà đất như sau:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 6m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 6m.

Hướng Nam giáp với đất chia cho chị Nguyễn Tú T, có số đo 10,87m + 16,14m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Trần Văn Sơn, số đo 10,85m + 16,36m.

+ 01 phần căn nhà tạm diện tích 136,20m^2, có kết cấu cột bê tông, vách tường xây + thiếc, nền gạch men, trần la phông, mái tôn thiếc và 01 phần gác lửng; 01 phần mái che trước nhà tạm, diện tích 21m^2, kết cấu khung sườn thép, mái thiếc và 01 phần nền sân xi măng trước nhà tạm diện tích 21m^2 gắn liền với diện tích đất 134,5m^2; thuộc 01 phần thửa đất số 2116, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 384970 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Huỳnh Minh K vào ngày 12/10/2018, vị trí nhà đất:

Hướng Đông giáp giáp kênh Cầu Sập-Ninh Quới, số đo 5m.

Hướng Tây giáp đường DT 978, số đo 5m.

Hướng Nam giáp với đất ông Đinh Hoàng Liêm, có số đo 15,96m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai, số đo 10,87m + 16,14m.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.133,7m^2 thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 08; tọa lạc tại: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 180586 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cấp cho bà Lê Thị Cưng vào ngày 11 tháng 8 năm 2009, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Thức, số đo 98,93m.

Hướng Tây giáp với đất ông Huỳnh Văn Chưởng, số đo 103,12m.

Hướng Nam giáp với kênh thủy lợi, có số đo 23,60m.

Hướng Bắc giáp với đường quản lộ phụng Hiệp, số đo 12,25m.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.168m^2 thuộc thửa đất số 452, tờ bản đồ số 08; tọa lạc tại: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 180584 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Lê Thị Cưng vào ngày 11 tháng 8 năm 2009, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Thức, ông Dương Văn Vạn, ông Dương Văn Kiệt số đo 38,27m + 183.50m + 14.40m + 149,16m.

Hướng Tây giáp với đất ông Huỳnh Văn Minh, ông Huỳnh Văn Phước, ông Phạm Văn Hiệp, số đo 50.55m + 85.89m + 83.01m + 14.48m và 116,50m + 35.45m.

Hướng Nam giáp với đấy bà Huỳnh Ngọc Điệp, có số đo 11,38m;

Hướng Bắc giáp với kênh thủy lợi, số đo 11.60m.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 11.822,2m^2 thuộc thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05; tọa lạc tại: Ấp Mỹ Phú Đông, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 764136 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng vào ngày 17 tháng 8 năm 2015, có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Kỳ, ông Trần Văn Trường số đo 142,58m + 22,20m + 123,26m.

Hướng Tây giáp với đất ông Lê Văn Bảnh, ông Lê Văn Việt, số đo 99,7m + 25.87m + 165.34m.

Hướng Nam giáp với đất ông Trần Văn Xây, ông Nguyễn Văn Trình, có số đo 39,66m;

Hướng Bắc giáp với kênh thủy lợi, số đo 40,97m.

3.14. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Huỳnh Minh K đối với chị Nguyễn Tú T về việc yêu cầu chia 42 chiếc xe và yêu cầu chia các phụ tùng, thiết bị tại Cửa hàng theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 12/6/2024.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Chi phí trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết theo yêu cầu của bà Trương Thị Mai, chị Nguyễn Tú T phải chịu số tiền là 5.062.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai đã nộp tạm ứng số tiền là 5.062.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) nên chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai số tiền là 5.062.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

5.2. Chi phí trưng cầu giám định chữ viết theo yêu cầu chị Nguyễn Tú T, anh Huỳnh Minh K phải chịu số tiền là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Tú T đã tạm ứng số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nên anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Tú T số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

5.3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 48.348.260 đồng, chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K mỗi người phải chịu là 24.174.130 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi đồng), anh Huỳnh Minh K đã tạm ứng số tiền 8.068.701 đồng (Tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm lẻ một đồng), anh Huỳnh Minh K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai số tiền 16.105.429 đồng (Mười sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đông và bà Trương Thị Mai số tiền 1.219.616 đồng (Một triệu hai trăm mười chín nghìn sáu trăm mười sáu đồng) và chị Nguyễn Tú T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam số tiền 22.954.514 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười bốn đồng).

6. Về án phí:

6.1. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Tú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Anh Huỳnh Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc chị Nguyễn Tú T phải nộp là 88.018.685 đồng (Tám mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Buộc anh Huỳnh Minh K phải nộp số tiền là 90.018.685 đồng (Chín mươi triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung: Buộc chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K mỗi người phải nộp số tiền là 11.100.500 đồng (Mười một triệu một trăm nghìn năm trăm đồng).

Chị Nguyễn Tú T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003998 ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án dân

sự Khu vực 7 – Cà Mau) nên được chuyển thu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đồng và chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 225.000 đồng. Chị Nguyễn Tú T còn phải tiếp tục nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 98.894.185 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam không phải nộp, đã dự nộp số tiền 31.815.190 đồng (Ba mươi mốt triệu tám trăm mười lăm nghìn một trăm chín mươi đồng) tại biên lai thu số 0004411 ngày 04/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải nộp, đã dự nộp số tiền 21.224.000 đồng (Hai mươi mốt triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004406 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại.

Ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị Cưng không phải nộp án phí, đã dự nộp số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) tại biên lai thu số 0004198 ngày 01/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án Khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.472.700 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng), nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Bà Nguyễn Thị T đã dự nộp số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004155 ngày 09/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.472.7000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch là 6.027.300 đồng (Sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án Khu vực 7 – Cà Mau).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho ông Huỳnh Văn Đông, bà Trương Thị Mai.

6.2. Án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Tú T không phải nộp án phí phúc thẩm. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0004841 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại toàn bộ.

Anh Huỳnh Minh K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh K đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0004846 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Phòng Thi hành án Khu vực 7 – Cà Mau) được chuyển thu án phí toàn bộ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND khu vực 7 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt